TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2019.
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Đào.

2. Ông Lưu Văn Lợi.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Anh Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *không tham gia phiên tòa.*

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2019/TLST–HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lưu Thị Đ, sinh năm: 1988.
   Địa chỉ cư trú: thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
2. *Bị đơn*: Ông Trần Minh D, sinh năm: 1987.
   Địa chỉ cư trú: thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Đ có mặt, ông D có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Lưu Thị Đ thì:

Bà và ông D đăng ký kết hôn ngày 06/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trước khi tiến đến hôn nhân thời gian tìm hiểu 2 năm, đến năm 2009 tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục tập quán, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian sống chung hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2017 đến nay vợ chồng không còn sống chung với, mạnh ai nấy sống, không còn tình cảm với. Nay vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, không thể sống chung nên bà yêu cầu ly hôn ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Như Q, sinh ngày 01/02/2009 và cháu Trần Khả Q, sinh ngày 10/11/2013. Hiện đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi hai cháu và yều cầu ông Đ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bị đơn ông Trần Minh D trình bày thì:

Bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý nhưng vì điều kiện công việc và khó khăn nên ông không thể đến Tòa án làm việc được.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Như Q, sinh ngày 01/02/2009 và cháu Trần Khả Q, sinh ngày 10/11/2013, hiện đang sống cùng bà Đ. Khi ly hôn ông đồng ý để bà Đ nuôi hai cháu và ông có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật cho đến ngày hai cháu thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành phiên họp và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ yêu cầu được ly hôn ông Trần Minh D. Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Trần Như Q, sinh ngày 01/02/2009 và cháu Trần Khả Q, sinh ngày 10/11/2013 cho đến ngày thành niên. Bà Đ không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" giữa nguyên đơn bà Lưu Thị Đ và bị đơn ông Trần Minh D. Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Minh D có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Trần Minh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa ông D và bà Đ là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 06/5/2009. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có sự thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau, mặc dù đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mạnh ai nấy sống, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm lẫn nhau và không có trách nhiệm đối với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ tháng 01 năm 2016 đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa ông D và bà Đ tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn ông D là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Như Q, sinh ngày 01/02/2009 và cháu Trần Khả Q, sinh ngày 10/11/2013. Trong thời gian ông D và bà Đ không sống chung, cháu Trần Như Q và cháu Trần Khả Q do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyện vọng của con ở với bà Đ. Ông D cũng đồng ý để bà D chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu nên cần chấp nhận là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Đ không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trần Minh D đến khi bà Lưu Thị Đ có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[5] Về án phí: Buộc bà Lưu Thị Đ phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 33, 34, 38, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 108, 110 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Đ được ly hôn ông Trần Minh D.

Về con chung: Giao bà Lưu Thị Đ nuôi con chung cháu Trần Như Q, sinh ngày 01/02/2009 và cháu Trần Khả Q, sinh ngày 10/11/2013 cho đến ngày con chung thành niên.

Về cấp dưỡng: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trần Minh D đến khi bà Lưu Thị Đ có yêu cầu.

Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền đi lại thăm nom con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc bà Lưu Thị Đ phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí bà Lưu Thị Đ đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0013477 ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà Lưu Thị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Lưu Thị Đ có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng ông Trần Minh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các D sự.
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Vũ